

# Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh của các cá nhân khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh

NGUYỄN THỊ HƯỜNG\*

## Tóm tắt

*Bài viết sử dụng phương pháp phân tích định lượng nhằm tìm hiểu các nhân tố tác động lên ý định khởi sự kinh doanh của các cá nhân khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân tố tác động đến Ý định khởi sự kinh doanh của các cá nhân khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh, gồm: Giá trị hợp lý của ý tưởng; Khối lượng của ý tưởng; Tính mới của ý tưởng; Nội dung ý tưởng.*

**Từ khóa:** ý định khởi sự kinh doanh, cá nhân khởi nghiệp, TP. Hồ Chí Minh

## Summary

*The paper employs quantitative method to figure out factors affecting entrepreneurial intention of individuals in Ho Chi Minh City. Research result reveals four influential factors which are the value, number, novelty and content of idea.*

**Keywords:** entrepreneurial intention, individuals start a business, Ho Chi Minh City

## GIỚI THIỆU

Khởi sự kinh doanh thành công sẽ góp phần tạo ra nhiều việc làm cho hệ thống dân cư xung quanh những khu vực mà các doanh nghiệp hay tổ chức kinh doanh ra đời, góp phần giải quyết công ăn việc làm của một bộ phận dân cư, đưa nền kinh tế ngày càng phát triển và ổn định. Bên cạnh đó, việc khởi sự kinh doanh sẽ là động lực của những người đam mê kinh doanh và muốn khẳng định thành tựu thông qua những thành tích có được từ việc khởi sự kinh doanh. Việc hiểu được vai trò của ý tưởng kinh doanh và phong cách nhận thức có tác động nhất định đến ý định khởi sự kinh doanh sẽ là một điều rất quan trọng đóng góp vào các dòng nghiên cứu nói về khởi sự kinh doanh.

Xuất phát từ các lý do trên, tác giả nhận thấy, việc thực hiện nghiên cứu “Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh của các cá nhân khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh” là cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp cơ sở cho cấp quản lý đề ra những chính sách thích hợp, để khuyến khích phong trào khởi nghiệp của các cá nhân tại TP. Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết

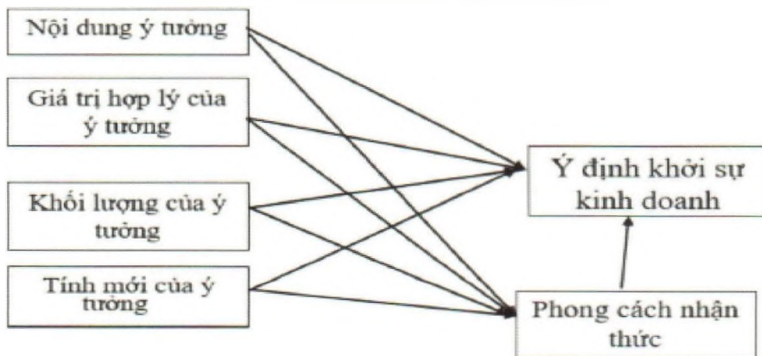
Nghiên cứu của Hayton và Cholakova (2012), Dellabarca (2000), Hill (2010) cho rằng, ý tưởng kinh doanh được tạo nên từ 4 thành phần chủ yếu đó là: Nội dung ý tưởng kinh doanh; Khối lượng ý tưởng; Giá trị của ý tưởng; Tính mới của ý tưởng.

Hodgkinson và Sadler-Smith (2003), Cools và Van den Broeck (2007) và Kickul và cộng sự (2009) định nghĩa, phong cách nhận thức chính là những gì mà một cá nhân suy nghĩ trong phạm vi năng lực nhận thức nó sẽ ảnh hưởng tới. Khái niệm phong cách nhận thức nghiên cứu sử dụng được định nghĩa là sự khác biệt trong quá trình nhận thức, liên quan đến trí tuệ của mỗi cá nhân khác nhau; phong cách nhận thức sẽ được đặc trưng, bởi tính cách cá nhân của mỗi cá nhân riêng biệt và nó chính là khuynh hướng, để hướng dẫn những hành vi của mỗi cá nhân cụ thể.

Một số nghiên cứu, như: Krueger và cộng sự (2000), Shapero và Shokol (1982) cho rằng, ý định khởi sự kinh doanh là sự sẵn sàng để thực hiện hành vi kinh doanh thông qua việc làm chủ hành vi kinh doanh hoặc thành lập tổ chức kinh doanh của riêng mình đồng nghĩa với việc sẽ khởi sự kinh doanh (khởi nghiệp) trong tương lai nếu nắm bắt được các cơ hội và nguồn lực cần thiết. Ý định khởi sự kinh doanh sẽ bắt nguồn từ việc cá nhân nhận thức được các cơ hội kinh doanh, cũng như tích

\* NCS., Trường Đại học Kinh tế Luật - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh  
Ngày nhận bài: 22/6/2022; Ngày phản biện: 12/7/2022; Ngày duyệt đăng: 21/7/2022

HÌNH 1: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Tác giả đề xuất

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY THANG ĐO CRONBACH'S ALPHA

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
<b>Khái niệm Nội dung ý tưởng (ND), Cronbach's Alpha = 0.785</b>				
ND1	10.40	12.830	.636	.719
ND2	10.37	12.298	.731	.687
ND3	10.52	13.573	.560	.745
ND4	9.91	14.631	.391	.799
ND5	10.01	13.620	.509	.762
<b>Khái niệm Tính mới của ý tưởng (TM), Cronbach's Alpha = 0.859</b>				
TM1	7.88	7.384	.754	.799
TM2	7.90	7.620	.716	.815
TM3	7.85	7.498	.703	.821
TM4	7.74	7.562	.647	.845
<b>Khái niệm Khối lượng của ý tưởng (KL), Cronbach's Alpha = 0.883</b>				
KL1	12.06	15.819	.748	.851
KL2	12.08	15.225	.857	.826
KL3	11.87	17.609	.592	.885
KL4	12.13	16.229	.652	.874
KL5	11.91	15.267	.758	.849
<b>Khái niệm Giá trị hợp lý của ý tưởng (GT), Cronbach's Alpha = 0.885</b>				
GT1	14.98	21.003	.644	.814
GT2	14.88	20.403	.616	.818
GT3	14.03	21.996	.398	.860
GT4	14.76	19.050	.789	.784
GT6	14.64	18.958	.743	.792
GT5	14.61	19.493	.587	.825
<b>Khái niệm Ý định khởi sự kinh doanh (YDKS), Cronbach's Alpha = 0.801</b>				
YDKS1	7.10	6.385	.655	.735
YDKS2	6.79	6.627	.595	.761
YDKS3	6.97	5.888	.728	.696
YDKS4	6.68	5.996	.516	.813
<b>Khái niệm Phong cách nhận thức (PCNT), Cronbach's Alpha = 0.916</b>				
PCNT1	10.61	17.461	.724	.910
PCNT2	10.57	15.936	.876	.877
PCNT3	10.62	16.503	.831	.887
PCNT4	10.51	17.054	.834	.887
PCNT5	10.38	19.121	.665	.919

Nguồn: Tính toán của tác giả

hợp được các nguồn lực mà cá nhân cảm thấy có khả năng giúp ích cho việc khởi sự của mình.

### Mô hình nghiên cứu

Thông qua các nghiên cứu liên quan và thực tế khảo sát, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1.

Một số giả thuyết được đưa ra gồm:

*H1:* Nội dung ý tưởng kinh doanh có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi sự kinh doanh.

*H2:* Tính mới của ý tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi sự kinh doanh.

*H3:* Khối lượng của ý tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi sự kinh doanh.

*H4:* Giá trị hợp lý của ý tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi sự kinh doanh.

*H5:* Phong cách nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến Ý định khởi sự kinh doanh.

*H6:* Nội dung ý tưởng kinh doanh có ảnh hưởng tích cực đến Phong cách nhận thức.

*H7:* Tính mới của ý tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Phong cách nhận thức.

*H8:* Khối lượng của ý tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Phong cách nhận thức.

*H9:* Giá trị hợp lý của ý tưởng có ảnh hưởng tích cực đến Phong cách nhận thức.

### Phương pháp nghiên cứu

Để có dữ liệu phân tích, tác giả thực hiện khảo sát 350 người làm trong các lĩnh vực: kinh tế và quản lý, kỹ thuật - tự nhiên, sức khỏe - khoa học xã hội, nông nghiệp... Kết quả thu về 328 bảng khảo sát, trong đó có 11 bảng không đạt yêu cầu; cuối cùng còn lại 317 bảng hợp lệ. Dữ liệu được mã hóa và đưa vào phần mềm SPSS để xử lý. Khảo sát được thực hiện từ tháng 02-5/2022 (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### Kết quả kiểm định độ tin cậy

Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha (Bảng 1) cho thấy, có 30 biến quan sát thuộc 6 khái niệm đều đạt yêu cầu (giá trị Cronbach's Alpha, giá trị hệ số tương quan biến tổng), 6 khái niệm nghiên cứu thuộc mô hình nghiên cứu đều có giá trị Cronbach's Alpha khá tốt, thấp nhất là 0.785 cao nhất là 0.916 ( $> 0.6$ ). Như vậy, có thể nói rằng, nội dung thang đo của các khái niệm là khá tốt, đáng tin cậy để sử dụng cho nghiên cứu, 30 biến quan sát sẽ được đưa vào để phân tích nhân tố khám phá (EFA) tiếp theo.

#### Phân tích EFA

Kết quả phân tích EFA lần cuối (Bảng 2) cho thấy, có 2 biến quan sát có hệ số tải nhân tố lên nhân tố mà nó đo lường không đạt yêu cầu, nên bị loại bỏ, còn lại 28 biến quan sát đạt yêu cầu. Các biến quan sát sẽ được đưa vào phân tích CFA tiếp tục nhằm kiểm định lại các giá trị của thang đo.

#### Phân tích CFA

Kết quả đánh giá mức độ phù hợp của phân tích CFA (Bảng 3) cho thấy, giá trị CMIN/DF = 1.950 ( $< 3$ ), chỉ số đánh giá TLI và CFI  $> 0.9$ . Bên cạnh đó, chỉ số GFI đạt 0.871 ( $> 0.8$ ), chỉ số RMSEA  $0.055 < 0.08$  và giá trị kiểm định Sig. của

mô hình  $0.000 < 0.05$ , nên có thể kết luận ở độ tin cậy 95%, thì mô hình này thích hợp về phân tích CFA, dữ liệu phân tích đã tương thích với mô hình nghiên cứu.

**Kết quả phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM)**

Kết quả kết quả phân tích SEM (Hình 2) cho thấy, các kết quả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình đạt yêu cầu, chỉ số  $CMIN/df = 2.218 (< 3)$ , chỉ số  $TLI = 0.911$  và  $CFI = 0.922 (> 0.9)$ , chỉ số  $GFI = 0.922 > 0.8$ ,  $RMSEA = 0.062 (< 0.08)$ , giá trị kiểm định P-value mức độ phù hợp  $= 0.00 (< 0.05)$ . Như vậy, có thể khẳng định, ở độ tin cậy 95%, dữ liệu phù hợp với mô hình SEM phân tích, các kết quả giải thích đáng tin cậy để sử dụng.

Kết quả (Bảng 4) cho thấy:

- Nhân tố Khối lượng của ý tưởng và Giá trị hợp lý của ý tưởng có hệ số tác động lên Phong cách nhận thức lần lượt là  $-0.103, -0.06$  và có giá trị Sig.  $> 0.05$ , nên ở độ tin cậy 95%, có thể kết luận rằng, 2 nhân tố này không có mối quan hệ cùng chiều với Phong cách nhận thức. Nhân tố Tính mới của ý tưởng và Nội dung ý tưởng có hệ số tác động lên Phong cách nhận thức lần lượt là  $0.288, 0.241$  và có giá trị Sig.  $< 0.05$ , nên ở độ tin cậy 95%, có thể kết luận rằng, 2 nhân tố này có mối quan hệ cùng chiều với Phong cách nhận thức.

- Nhân tố Khối lượng của ý tưởng, Giá trị hợp lý của ý tưởng, Tính mới của ý tưởng, Nội dung ý tưởng có hệ số tác động lần lượt là  $0.129, 0.210, 0.157, 0.209$  và có giá trị Sig.  $< 0.05$ , nên ở độ tin cậy 95%, có thể kết luận rằng, các nhân tố này có mối quan hệ cùng chiều với Ý định khởi sự kinh doanh. Nhân tố Phong cách nhận thức có hệ số tác động  $= 0.066$  và có giá trị kiểm định Sig.  $= 0.149 (> 0.05)$ , nên ở độ tin cậy 95%, có thể kết luận rằng, Phong cách nhận thức không có mối quan hệ cùng chiều với Ý định khởi sự kinh doanh.

**KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4 nhân tố tác động đến Ý tưởng khởi sự kinh doanh của các cá nhân khởi nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh, gồm: Giá trị hợp lý của ý tưởng; Khối lượng của ý tưởng; Tính mới của ý tưởng; Nội dung ý tưởng. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý quản trị sau:

**Về nhân tố Tính mới của ý tưởng.** Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng, một cá nhân có nhận thức tích cực để hình thành

**BẢNG 2: TÓM TẮT CÁC THÔNG SỐ PHÂN TÍCH EFA**

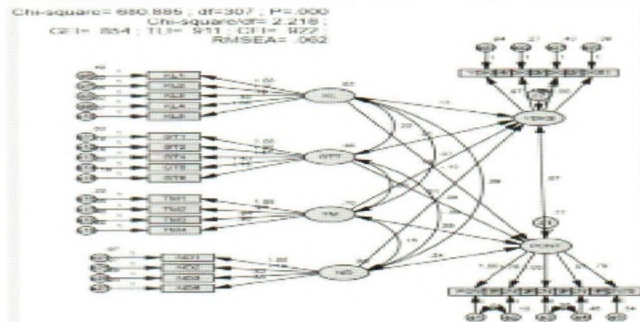
Các thông số	EFA lần đầu	EFA lần cuối
Chỉ số KMO	0.813	0.815
Số nhân tố rút trích	6 nhân tố	6 nhân tố
Hệ số Eigenvalues	1.668	1.601
Giá trị Sig. kiểm định Bartlett	0.000	0.000
Tổng phương sai trích	66.101%	69.265%
Số biến loại	2 biến	0 biến

**BẢNG 3: CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP MÔ HÌNH**

Các chỉ số đánh giá	Giá trị
CMIN/DF	1.950
GFI	0.871
TLI	0.930
CFI	0.940
RMSEA	0.055
Giá trị Sig. kiểm định phù hợp	0.000

Nguồn: Tính toán của tác giả

**HÌNH 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TUYẾN TÍNH SEM**



**BẢNG 4: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CẤU TRÚC TUYẾN TÍNH SEM**

			Estimate	S.E.	C.R.	P
PCNT	<---	KL	-.103	.061	-1.672	.095
PCNT	<---	GTT	-.060	.086	-.692	.489
PCNT	<---	TM	.288	.067	4.280	***
PCNT	<---	ND	.241	.068	3.546	***
YDKS	<---	KL	.129	.047	2.763	.006
YDKS	<---	GTT	.210	.067	3.137	.002
YDKS	<---	TM	.157	.052	3.034	.002
YDKS	<---	ND	.209	.053	3.939	***
YDKS	<---	PCNT	.066	.046	1.444	.149

Nguồn: Tính toán của tác giả

tính mới đối với khởi sự kinh doanh, như: họ cảm thấy khởi sự kinh doanh là một điều cuốn hút và họ rất muốn bắt đầu việc kinh doanh của mình, họ luôn cảm thấy hấp dẫn khi nói về khởi sự kinh doanh và khát khao khởi sự kinh doanh nếu có đầy đủ các nguồn lực cần thiết, họ luôn tìm tòi những phương thức mới để có thể hình thành việc kinh doanh thông qua các nguồn lực tổng hợp được...

Trong thực tế, một cá nhân muốn có ý định khởi sự kinh doanh, trước hết cá nhân đó phải có một nhận thức tích cực hay có cái nhìn lạc quan về khởi sự kinh doanh, bản thân các cá nhân phải hiểu biết rõ về vấn đề kinh doanh mà mình sắp sửa bắt đầu, phải nhìn tổng quát được những lợi ích có được và rủi ro có thể gặp phải, từ đó có một cảm nhận, cũng như một thái độ tích cực với việc khởi sự kinh doanh.

Vì vậy, các nhà quản lý cần có những chính sách nhằm làm cho các cá nhân cảm nhận rõ hơn về những lợi ích, cũng như những khó khăn khi khởi sự kinh doanh, qua đó giúp họ có được nhận thức tích cực với khởi sự kinh doanh và là động lực để khởi sự kinh doanh, tìm tòi những tính mới trong việc hoạt động hay vận hành kinh doanh. Bên cạnh đó, cần quan tâm những cá nhân có sự chủ động, học hỏi và sáng tạo trong quá trình khởi sự kinh doanh của mình; Những cá nhân này sẽ có ý định mạnh mẽ với việc khởi sự kinh doanh, vì nhân tố Tính mới của ý tưởng là một trong những yếu tố tác động mạnh nhất đến Ý định khởi sự kinh doanh và Phong cách nhận thức của các cá nhân khởi nghiệp.

**Về nhân tố Khối lượng của ý tưởng.** Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng, khi một cá nhân có khuynh hướng chấp nhận rủi ro càng cao, kéo theo khối lượng ý tưởng được tích lũy đủ, thì ý định khởi sự kinh doanh của họ sẽ mạnh mẽ và ngược lại. Do đó, các nhà quản lý cần quan tâm đến những cá nhân có khuynh hướng chấp nhận rủi ro cao, đủ để hình thành khối lượng ý tưởng, vì đây là những cá nhân có khả năng khởi nghiệp tốt (không sợ những kết quả không tốt đẹp xảy ra, thừa nhận và chấp nhận những sai lầm của mình để tiếp tục hành động, thích làm việc với thách thức) nhằm hỗ trợ những cá nhân này, vì họ sẽ là những người có ý định khởi sự kinh doanh mạnh mẽ.

**Về nhân tố Giá trị hợp lý của ý tưởng.** Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi một cá nhân có giá trị xã hội càng tích cực, có được kiến thức tổng thể vững chắc, muốn có được một vị trí tốt đẹp trong xã hội từ việc khởi sự kinh doanh mang lại, hay muốn có được một thành

tựu thông qua việc khởi sự kinh doanh... Những động lực này sẽ thôi thúc các cá nhân có được những ý tưởng có giá trị, có tính thực tiễn và xác thực hơn với nhu cầu thực tế, thì họ sẽ có ý định khởi sự kinh doanh mạnh mẽ. Do vậy, các nhà quản lý cần đưa ra những tấm gương thành đạt từ việc khởi sự kinh doanh thành công... để từ đây thúc đẩy nhu cầu thành tựu, cũng như sự tìm hiểu học tập của các cá nhân khởi sự kinh doanh, giúp họ đưa ra các ý tưởng có giá trị cao và phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn xã hội, như vậy sẽ nhanh chóng thúc đẩy họ khởi sự kinh doanh.

**Về nhân tố Nội dung ý tưởng.** Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng, nếu các cá nhân cho rằng, việc tạo ra một doanh nghiệp hay khởi sự là không khó, họ có thể kiểm soát việc kinh doanh sau khi tạo dựng nên; cũng như các cá nhân này tin tưởng rằng, mình có thể duy trì và phát triển công việc kinh doanh, thì ý định khởi sự kinh doanh của họ sẽ mạnh mẽ hơn và ngược lại. Do đó, các nhà quản lý, cần đánh giá sự tự tin, cũng như khả năng am hiểu công việc kinh doanh của các cá nhân có ý định khởi sự kinh doanh, giúp họ gia tăng thêm việc cảm nhận về khả năng kiểm soát hành vi khởi sự kinh doanh, để từ đó ý định khởi sự kinh doanh của các cá nhân này được mạnh mẽ hơn. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức
2. Nguyễn Thu Thủy (2013). *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên TP. Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
3. Cools, E., and Van den Broeck, H. (2007). Development and validation of the cognitive style indicator, *The Journal of Psychology: Interdisciplinary and Applied*, 141(4)
4. Dellabarca, R. (2000). *Understanding the 'opportunity recognition processes' in entrepreneurship*, in Patrick, A., Vermeulen, M., and Petru, L.C. (Eds), *Entrepreneurial Strategic Decision-Making: A Cognitive Perspective*, Edward Elgar Publishing, Cheltenham
5. Hayton, J. C., and Cholakova, M. (2012). The role of affect in the creation and intentional pursuit of entrepreneurial ideas, *Entrepreneurship Theory and Practice*, 36(1), 41-68
6. Hill, S. A., and Birkinshaw, J. M. (2010). Idea sets: conceptualizing and measuring a new unit of analysis in entrepreneurship research, *Organizational Research Methods*, 13(1), 85-113
7. Hodgkinson, G. P., and Sadler-Smith, E. (2003). Complex or unitary? A critique and empirical re-assessment of the Allinson-Hayes Cognitive Style Index, *Journal of Occupational and Organizational Psychology*, 76(3), 243-68
8. Kickul, J., Gundry, L. K., Barbosa, S. D., and Whitcanack, L. (2009). Intuition versus analysis? Testing differential models of cognitive style on entrepreneurial self-efficacy and the new venture creation process, *Entrepreneurship: Theory and Practice*, 33(2), 439-453
9. Krueger, N. F., Reilly, M. D., and Carsrud, A. L. (2000). Competing models of entrepreneurial intentions, *Journal of Business Venturing*, 15(5-6), 411-432
10. Shapero, A., and Sokol, L. (1982). *The social dimensions of entrepreneurship*, In C. Kent, L. Sexton, and K. Vesper (Eds), *Encyclopedia of Entrepreneurship*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall